TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/10/2018
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 348/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp ly hôn* ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Mỹ N**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2018 nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, hai bên có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban

nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/4/2011. Sau khi kết hôn Chị N về chung sống bên gia đình anh T tại ấp Phú Hòa 2, xã Đồng Phú. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên cự cãi, anh T ghen tuông nghi ngờ Chị N không chung thủy nên đã nhiều lần đánh đập chị, Chị N và anh T không thể hàn gắn tính cảm được nữa, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay, chị đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở xã Bình Phước, huyện Mang Thít sinh sống. Chị Phan Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhật P, sinh ngày 16/02/2011. Hiện tại do Chị N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã gởi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trần Ngọc T đến Tòa án làm việc, anh T có ký tên vào biên bản tống đạt nhưng anh T không đến. Tòa án tiến hành triệu tập anh T đến Tòa án giải quyết vụ kiện lần 2, anh T người nhà anh T có ký tên vào biên bản tống đạt nhưng anh T không đến. Tòa án tiến hành hòa giải lần hai anh T không đến, nên Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Ý kiến của cháu Trần Nhật P: Con là con của mẹ Phan Thị Mỹ N và cha Trần Ngọc T, cha mẹ ly hôn con có nguyện vọng được sống với mẹ vì từ trước đến nay con sống với mẹ và mẹ lo cho con ăn học.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Phan Thị Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Ngọc T, vì chị cho rằng vợ chồng chung sống anh T thường hay ghen tuông, có lúc đánh Chị N nên vợ chồng thường xuyên cự cải, đến tháng 4/2016 Chị N về nhà cha mẹ ruột cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng có một con chung Trần Nhật P, sinh ngày 16/02/2011 Chị N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Anh Trần Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần hai anh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa

giải anh T có ký tên vào biên bản tống đạt, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử triệu tập lần hai anh T đến Tòa án xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Trần Ngọc T.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ N và anh Trần Ngọc T kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/4/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn Chị N cho rằng anh T không lo lắng cho vợ con, thường xuyên ghen tuông dẫn đến vợ chồng cự cải lẫn nhau, đôi khi anh T còn đánh chị, tháng 4/2016 chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Anh T có biết Chị N khởi kiện xin ly hôn, anh có ký tên vào biên bản tống đạt của cơ quan Thừa phát lại nhưng anh T không đến và không cung cấp bản khai ý kiến và yêu cầu gì về việc Chị N yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt. Xét về tình trạng hôn nhân của Chị N và anh T hiện nay đã mâu thuẫn trầm trọng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2016 cho đến nay và cả hai không còn sống chung một mái nhà, không còn tình cảm yêu thương với nhau, mục đích hôn nhân không đạt đươc. Vì vậy chấp nhận cho chị Phan Thị Mỹ N được ly hôn anh Trần Ngọc T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Có 01 con tên Trần Nhật P, sinh ngày 16/02/2011, hiện nay do Chị N đang nuôi dưỡng, Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản ghi ý kiến trẻ trên 7 tuổi của cháu Trần Nhật P có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn con muốn sinh sống với mẹ vì mẹ lo cho con ăn học. Xét hiện nay cháu P do Chị N nuôi dưỡng ổn định cũng là nguyện vọng của cháu P cha mẹ ly hôn muốn được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 16/02/2011 cho chị Phan Thị Mỹ N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Anh Trần Ngọc T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai tài sản chung không yêu cầu và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt không có cung cấp bản khai ý kiến gì về việc giữa anh và Chị N có tài sản chung và có nợ chung không, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của Chị N anh T.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 54, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ N .

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Mỹ N được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 16/02/2011, cho chị Phan Thị Mỹ N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Trần Ngọc T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Phan Thị Mỹ N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001741 ngày 09/8/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, Chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp